

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 02 tháng 01 năm 2022

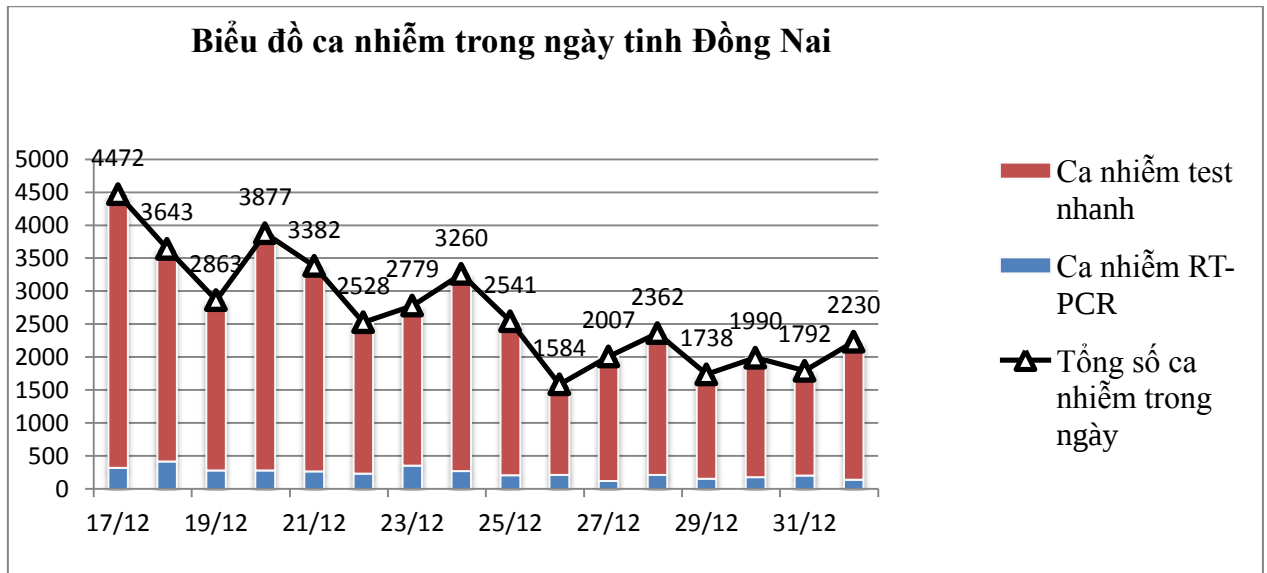
BÁO CÁO NGÀY

Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 01/01/2022

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế ca bệnh	
		Realtime RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh
1	Biên Hòa	105	574	634	45	0	679	44.749	63.835
2	Nhon Trạch	15	241	246	10	0	256	18.930	32.620
3	Vĩnh Cửu	8	59	67	0	0	67	13.433	16.348
4	Trảng Bom	0	53	53	0	0	53	9.280	17.224
5	Long Thành	3	170	170	2	1	173	3.752	14.944
6	Thống Nhất	6	62	64	0	4	68	1.939	9.607
7	Long Khánh	4	116	120	0	0	120	1.368	7.697
8	Xuân Lộc	0	102	102	0	0	102	1.346	5.045
9	Định Quán	0	557	557	0	0	557	1.086	6.696
10	Tân Phú	0	103	103	0	0	103	1.016	5.192
11	Cẩm Mỹ	0	52	52	0	0	52	767	4.844
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0
Tổng số		141	2.089	2.168	57	5	2.230	98.069	184.052

* Thực hiện Công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh, ghi nhận ca nhiễm phát hiện bằng phương pháp xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 dương tính 02 lần.



Nhận xét:

- Trong ngày ghi nhận 2.230 ca mắc mới trong ngày (tăng 24,4%), trong đó có 141 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (giảm 30,5%), 2.089 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (tăng 31,5%).

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 282.121 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2)

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	24	244	41.443	41.687
Cách ly tại nhà	945	48.747	215.340	264.087
Theo dõi sức khỏe	180	9.526	37.714	47.240

- Thực hiện Công văn số 12542/UBND-KGVX ngày 13/10/2021 về việc triển khai cách ly F1 tại nhà trên địa bàn tỉnh; Công văn số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 về việc triển khai quản lý người nhiễm COVID-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh

- Hiện có 04 huyện, thành phố duy trì hoạt động các khu cách ly tập trung do huyện quản lý bao gồm: Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch; với 18 khu cách ly, tổng số 3.165 giường phục vụ người không đủ điều kiện thực hiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	2.230	32.912	3.396	247.739	27	1.470	67
Tỉ lệ		11,67%		87,81%		0,52%	0,20%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 930 ca
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 31.982 ca
- Số ca tử vong/100.000 dân: 46 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm (bao gồm ca bệnh phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PC và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2): **0,52%**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	186	142
Tầng 2	5.756	498	5.258
Tầng 1	5.544	246	5.298

- Triển khai việc từng bước giải thể các Bệnh viện dã chiến: Các Bệnh viện dã chiến số 2,3,4,5,6,7,8 đã tạm ngừng tiếp nhận bệnh.
- Số ca bệnh nặng, nguy kịch tăng, ngành y tế đang triển khai mở rộng quy mô các giường hồi sức tích cực tại các cơ sở y tế có giường bệnh tuyến huyện trên toàn tỉnh.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	437	17.109	102.737	119.846
2	Long Khánh	116	2.010	5.958	7.968
3	Vĩnh Cửu	59	1.580	17.044	18.624
4	Định Quán	103	1.343	4.762	6.105
5	Tân Phú	103	1.345	4.179	5.524
6	Trảng Bom	51	929	5.821	6.750
7	Thống Nhất	62	1.849	8.140	9.989
8	Xuân Lộc	102	1.008	3.598	4.606
9	Cẩm Mỹ	53	902	3.989	4.891
10	Long Thành	83	2.550	17.396	19.946
11	Nhơn Trạch	118	1.357	31.263	32.620
	Tổng	1.287	31.982	204.887	236.869

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 30/12)

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 28 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 5.605.498 liều.
- Tỉnh đã thực hiện tiêm 5.687.387 liều vắc xin, trong đó có 2.812.057 liều mũi 1; 2.683.143 liều mũi 2; 159.500 liều bổ sung và 33.410 liều nhắc lại;
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:
 - + Mũi 1: 101,08% ; Mũi 2: 96,45%; Mũi 3: 5,73%
- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 trên 90%: Biên Hòa, Long Khánh, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú. Các huyện, thành phố còn lại gồm Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom đều đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 từ 80% trở lên.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,63%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 98,62%.
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi
 - + Mũi 1: 94,14%; Mũi 2: 81,23%

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	1.525	373	2.083.775	262.694
RT-PCR mẫu đơn	824	218	2.065.095	260.972
RT-PCR mẫu gộp	550	07	361.002	31.483
Lượt người thực hiện PCR	1.622	218	3.837.432	260.972

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00
- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 07 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:
 - + 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).

- + 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).
- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 2.230 ca mắc mới trong ngày (tăng 24,4%), trong đó có 141 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (giảm 30,5%), 2.089 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (tăng 31,5%).
- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 282.121 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2)
- Tỷ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm (bao gồm ca bệnh phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2): **0,52%**
- Tỉnh đã thực hiện tiêm 5.687.387 liều vắc xin, trong đó có 2.812.057 liều mũi 1; 2.683.143 liều mũi 2; 159.500 liều bổ sung và 33.410 liều nhắc lại;
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:
 - + Mũi 1: 101,08% ; Mũi 2: 96,45%; Mũi 3: 5,73%
- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 trên 90%: Biên Hòa, Long Khánh, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú. Các huyện, thành phố còn lại gồm Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom đều đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 từ 80% trở lên.
 - Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,63%.
 - Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 98,62%.
 - Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi
 - + Mũi 1: 94,14%; Mũi 2: 81,23%
- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 31/12/2021: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2, tất cả 11/11 huyện/thành phố đều có mức độ nguy cơ ở cấp độ 2.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.
- Các sở, ngành, địa phương phối hợp thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành nghiêm thông điệp 5K tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng,... để phòng, chống dịch bệnh
- Các địa phương thực hiện thống nhất, đồng bộ công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh và số 13650/UBND-KGVX

ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai quản lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội (Cập nhật ngày 29/12)

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.688 đơn vị
2. Người lao động	6.824 người	1.387.460 người
3. Hộ kinh doanh	578 hộ	19.204 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.688 đơn vị
2. Người lao động	3.411 người	1.359.729 người
3. Hộ kinh doanh	314 hộ	18.509 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	495.200/514.311	886,01/942,99	96,28
2	Cẩm Mỹ	27.726/27.735	41,76/41,79	99,97
3	Định Quán	46.552/47.337	71,09/72,27	98,34
4	TP. Long Khánh	58.491/58.491	94,34/94,34	100

5	Long Thành	82.346/82.380	132,31/132.45	99,96
6	Nhơn Trạch	144.456/146.042	249,42/251,79	98,91
7	Tân Phú	53.654/54.058	88,08/88,68	99,25
8	Trảng Bom	190.812/192.999	319,79/325,03	98,87
9	Thống Nhất	40.751/40.751	61,29/61,29	100
10	Xuân Lộc	91.346/91.346	133,14/136,38	100
11	Vĩnh Cửu	87.449/87.453	247,05/247,05	100
	Tổng cộng	1.318.783/1.342.903	2.324.27/2.394.07	98,20

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT
(Cập nhật đến ngày 31/12/2021 tại Báo cáo số 1039/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố		Xã, phường	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Cấp 1 (Bình thường mới)	00 (giảm 01)	0%	30 (tăng 14)	17,65%
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	11 (tăng 01)	100,0%	101 (tăng 04)	59,41%
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	0%	39 (giảm 18)	22,94%
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	0%	00	0%
Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2 (Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 126 ca/100.000 dân, tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%) 170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động, 26/31 KCN có Trạm Y tế lưu động				

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi		Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng						
															Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn									
TẦNG 3																									
1	BVĐN/ HSTC	40	50	7			7	0	4			380		6	7	19	6						32		
2	BVTN/TTHSTC	200	70	8	6		2		2	73	310	598	333	14	4	26	17	12	0	1		32	41	0	
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	50	4	1	0	3	0	1	40	104	127	113	14	1	10	11	4	0	0	0	22	18	10	
4	BVĐKKVLT	100	100	1	1	0	2	0	1	45	97	197	63	16	3	6	20	0	0	0	0	22	21	32	
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	1	0	0	0	3	3	6	0	0	2	1	0	0	0	0	3	0	0	0	
6	BV Định Quán	60	30	0	0	0	0	0	0	18	16	20	27	3	0	0	4	0	5	0	0	6	9	12	
7	BV Đồng Nai 2	10	7	0	0	0	0	0	0	7	155	22	1138	6	0	0	1	7	0	1	0	3	3	0	

Tổng cộng (tầng 3)		530	317	20	8	1	14	0	8	186	685	1350	1674	59	17	62	59	23	5	2	3	85	124	54
TẦNG 2																								
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	180	5	0	0	0	0	0	35	55	2	2700	1	0		6	8	20	0	1	6	11	145
6	Bệnh viện ĐKKV Long Khánh	170	150	8	5	3	0	0	0	90	43	0	184	0	0	0	35	16	39	0	0	27	47	40
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	0	0	0	0	0	0	2	164	0	5264	0	0	0	0	2	0	0	0	1	2	
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	1	0	0	0	0	1	14	0	1068	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	20
12	Bệnh viện Đa liễu	150	150	0	22	1	0	0	0	65	41		1083	0	0	0	11	50	4	0	1	21	58	30
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	3	28	0	0	0	0	86	345	0	1907	0	0	0	1	55	35	0	41	4	1	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	8	5	0	0	0	0	42	0	0	606	0	0	0	25	15	5	0	1	23	28	108
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	100	70	0	1	0	1	0	1	27	2	3	59	0	0	0	6	7	7	0	2	7	8	43
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	80	52	3	2	0	0	0	0	52	155	22	1138	6	0	0	26	32	20	2	1	22	20	30
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	100	80	2	6					26	319	6	727	3	1	2	4	11	5	0	0	0	19	54
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	1	2	1	0	0	0	9	45	21	509	2	0	0	3	3	3	0	0	4	4	56
21	Trung tâm Y tế Tân Phú	20	20	3	0	1	0	0	0	14	7	0	7	0	0	0	12	14	0	0	0	8	13	0
25	Trung tâm Y tế Cẩm Mỹ	90	90	6	19	0	0	0	0	45	31	2	618	0	0	0	7	15	30	5				
28	Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai	5	5	0	0	0	0	0	0	4	2	0	7	0	0	1	3	0	0	0	0	4	0	1
Tổng cộng (tầng 2)		5195	4469	39	91	6	1	0	1	498	1223	56	15877	12	1	3	139	228	169	7	47	127	211	527
TẦNG 1																								
1	Biên Hòa	1641	1201	11	13	14	0	0	0	106	1330	22	18924	0	0	0	32	39	66	2	3	16	29	1084
2	Long Khánh	400	310	3	4	0	0	0	0	30	74	0	805	0	0	0	0	0	30	0	1	0	7	
3	Vĩnh Cửu	120	120	1	0	1	0	0	0	12	1527	3	9094	0	0	0	4	0	8	0	1	2	5	108
4	Định Quán	100	89	2	0	0	0	0	0	24	2	0	449	0	0	0	0	0	24	0	5	0	0	65
5	Tân Phú	60	60	8	0	0	0	0	0	27	198	3	279	0	0	0	7	7	20	0	1	8	18	0
6	Trảng Bom	978	948	0	0	0	0	0	0	2	1644	2	4284	0	0	0	0	1	3	0	0	1	2	850

7	Thống Nhất	98	98	0	0	0	0	0	0	4	4	0	33	0	0	0	0	1	3	0	0	1	1	94
10	Long Thành	500	500	0	4	0	0	0	0	39	90	0	2442	0	0	0	0	0	39	2	5	6	15	461
11	Nhơn Trạch	4230	1500	0	30	0	0	0	0	2	0	17	9985	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	1498
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		8127	4826	25	51	15	0	0	0	246	4869	47	46295	0	0	0	43	48	195	4	16	34	77	4580
TỔNG TẦNG (3+2+1)		13852	9612	84	150	22	15	0	9	930	6777	1453	63846	71	18	65	241	299	369	13	66	246	412	5161

Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 30/12/2021)

TT	Địa phương	Người trong độ tuổi tiêm chủng (Từ 12 tuổi trở lên)									
		Dân số	Số mũi tiêm trong ngày	Số mũi tiêm Mũi 1	Số mũi tiêm Mũi 2	Số mũi tiêm liều bổ sung	Số mũi tiêm liều nhắc lại	Tổng số liều vắc xin đã tiêm	Tỷ lệ Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 3
1	Biên Hòa	961.996	1.429	978.553	978.553	0	21.384	1.977.767	101,72%	101,72%	2,15%
2	Long Khánh	135.944	0	138.419	133.219	8.486	7.223	287.347	101,82%	98,00%	6,24%
3	Long Thành	215.692	1.431	245.622	229.749	20.887	0	496.258	113,88%	106,52%	9,68%
4	Nhơn Trạch	261.879	3.559	260.448	213.422	15.592	1.881	491.343	99,45%	81,50%	5,95%
5	Thống Nhất	146.707	640	131.970	123.844	8.181	0	263.995	89,95%	84,42%	5,58%
6	Trảng Bom	318.163	-	311.116	277.412	13.847	0	602.375	97,79%	87,19%	4,35%
7	Vĩnh Cửu	137.042	2.912	146.068	137.996	10.099	0	294.163	106,59%	100,70%	7,37%
8	Xuân Lộc	188.699	0	209.483	201.093	31.451	0	442.027	111,01%	106,57%	16,67%
9	Cẩm Mỹ	115.087	708	106.612	108.108	12.576	0	227.296	92,64%	93,94%	10,93%
10	Định Quán	171.083	643	157.099	157.120	31.539	0	345.758	91,83%	91,84%	18,43%
11	Tân Phú	129.710	3.559	126.667	122.627	6.842	2.922	259.058	97,65%	94,54%	5,27%
	Tỉnh Đồng Nai	2.782.002	14.881	2.812.057	2.683.143	159.500	33.410	5.687.387	101,08%	96,45%	5,73%

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 30/12/2021)

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A)			Người từ 50 tuổi trở lên (B)			Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)							
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ %	Số mũi tiêm (Mũi 2)	Tỷ lệ %	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng
1	Biên Hòa	63.535	63.259	99,57%	198.192	196.674	99,23%	93.343	82	86.832	91,82%	76.164	79,59%	3	1
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71%	37.675	36.408	96,64%	15.119	10	15.119	100,00%	14.578	96,42%	6	0
3	Long Thành	23.449	22.850	97,45%	59.238	57.645	97,31%	24.626	21	26.280	106,72%	21.634	87,85%	1	0
4	Nhơn Trạch	15226	14.632	96,10%	48894	48.110	98,40%	18.215	3	16.384	89,95%	11094	60,91%	0	0
5	Thống Nhất	13.037	12.132	93,06%	37.414	37.414	100,00%	16.405	13	14.953	91,15%	13.249	80,76%	0	0
6	Trảng Bom	19.115	19.097	99,91%	92.978	90.973	97,84%	34.961	100	33.126	94,75%	23.537	67,32%	0	0
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.930	94,16%	32.466	29.997	92,40%	15.893	40	13.759	86,57%	11.949	75,18%	2	
8	Xuân Lộc	19.734	18.427	93,38%	57.427	57.427	100,00%	22.654	15	21.317	94,10%	19.255	85,00%		
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.927	98,84%	34.375	34.375	100,00%	12.810	36	11.169	87,19%	10.863	84,80%	0	0
10	Định Quán	13.719	13.161	95,93%	34.790	35.621	102,39%	20.291	1	19.941	98,28%	19.562	96,41%	0	0
11	Tân Phú	11.970	11.907	99,47%	23.040	22.767	98,82%	17.908	24	16.234	90,65%	15.490	86,50%	6	0
	Tỉnh Đồng Nai	212.402	207.373	97,63%	656.489	647.411	98,62%	292.225	345	275.114	94,14%	237.375	81,23%	18	1